

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày 29-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Trần Văn Mè

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Trần Mạnh Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2017/HSST ngày 28/7/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/HSST-QĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Thị D, tên gọi khác: Lùng, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 95/4, tổ 4, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 80/14, tổ 21, Khu phố 2, đường Nguyễn Thị B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nguyên làm nhân viên y tế trường học; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; Anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bị hại:*** Trần Thị K, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 95/4, tổ 4, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa)

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Trần Thị Mộng Thu sinh năm 1971, địa chỉ: Số 95/4, tổ 4, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa)

- ***Người làm chứng:*** Phạm Văn B, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đã được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ, ngày 01/4/2017, D điều khiển xe mô tô 55Z8-5833 của D đến gửi tại khu chung cư thuộc khu phố 2, thị trấn Cần Giuộc rồi đi bộ về nhà. Khi về đến nhà thấy chị K đang ngủ nên D lén lút lấy chìa khóa và dẫn xe mô tô 62M1-121.63 của chị K ra ngoài nổ máy chạy đến gần Ủy ban thị trấn G, D mở cốp xe của chị K ra thấy có 01 cái bóp màu đỏ và 01 hộp tròn màu đỏ đựng trong bịch ni lông màu đen. D lục bóp lấy 4.000.000 đồng; 150 Đô la Úc; 400 Đô la Mỹ và mở hộp ra lấy 02 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 1,7 chỉ; 02 vòng vàng 18 kara, trọng lượng 02 chỉ; 02 lắc vàng 18 kara trọng lượng 3,7 chỉ; 05 nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 1,3 chỉ, toàn bộ số tiền và vàng trên D bỏ vào túi áo khoác của mình còn cái bóp màu đỏ bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô 62M1-121.63, giấy phép lái xe, 03 thẻ ATM thì D vứt bỏ, còn xe mô tô 62M1-121.63 D dựng lại ven đường. Sau đó, D quay lại chỗ gửi xe lấy xe mô tô 55Z8-5833 đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, do sợ bị phát hiện nên D tiếp tục đem xe mô tô 62M1-121.63 của chị K đến dựng tại bến đỗ hàng hóa cầu tàu ở khu phố 1, thị trấn G rồi D đem số vàng lấy trộm được đến bán cho một tiệm vàng không rõ địa chỉ trên địa bàn Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được số tiền 13.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên D tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản chị K trình báo cơ quan Công an. Đến ngày 17/5/2017, cơ quan Công an mời D làm việc thì D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Công an huyện Cần Giuộc tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 62M1-121.63 do ông Phan Văn B giao nộp; 01 xe mô tô biển số 59Z1-321.11 (biển số cũ là 55Z8-5833) và 01 túi xách màu đỏ có quai màu trắng, đen trên túi có chữ UNIQUELY SINGAPORE đã qua sử dụng do Trần Thị D giao nộp.

Đối với 02 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 1,7 chỉ; 02 vòng vàng 18 kara, trọng lượng 02 chỉ; 02 lắc vàng 18 kara trọng lượng 3,7 chỉ; 05 nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 1,3 chỉ là vật chứng trong vụ án. D đã đem bán cho tiệm vàng không rõ địa chỉ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc không thu hồi được.

Đối với 01 cái bóp màu đỏ bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô 62M1-121.63, giấy phép lái xe, 03 thẻ ATM của chị K là vật chứng trong vụ án cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 59 ngày 03/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc xác định: 01 xe mô tô biển số 62M1-121.63 trị giá 10.000.000 đồng; 150 đô la Úc, trị giá 2.540.000 đồng; 400 đô la Mỹ, trị giá 9.078.000 đồng; 02 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng

1,7 chỉ, trị giá 3.502.000 đồng; 02 vòng vàng 18 kara, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 4.120.000 đồng; 02 lắc vàng 18 kara, trọng lượng 3,7 chỉ, trị giá 7.622.000 đồng; 05 nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 1,3 chỉ, trị giá 2.678.000 đồng, và 4.000.000 đồng tiền mặt, tổng trị giá tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại K là 43.540.000 đồng.

Riêng đối với chiếc bóp màu đỏ bị hại Trần Thị K khai do bị cáo mua đã lâu, sau đó đưa cho bị hại sử dụng hiện đã cũ nát không có giá trị sử dụng và bị hại K không yêu cầu bị cáo D bồi thường nên không tiến hành định giá đối với chiếc bóp trên.

Tại phiên tòa bị cáo D khai: Ngày 01/4/2017, khi trên đường về nhà bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của chị K để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi về nhà, bị cáo lên lút lấy xe của chị K vì bị cáo biết chị K có để tiền, vàng trong cốp xe, sau khi dẫn xe ra ngoài bị cáo lục tìm tài sản trong cốp như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình. Sau khi bị Công an mời làm việc bị cáo đã trả lại hết số tài sản trộm được cho chị K, còn cái bóp màu đỏ không thu hồi được là của bị cáo mua ở chợ, sử dụng được thời gian thì bị cáo đưa cho chị K nên nó đã cũ nát không còn giá trị sử dụng.

Người bị hại Trần Thị K khai: Những tài sản mà D trộm được đã trả lại cho chị xong nên chị xin được miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cái bóp màu đỏ là do D sử dụng thời gian rồi đưa lại cho chị, trước đó cái bóp cũng đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng nên chị không yêu cầu. Đối với xe mô tô biển số 59Z1-321.11 (biển số cũ là 55Z8-5833) là chị mua nhưng để chị Thu đứng tên giấy chứng nhận, xe này chị đưa cho bị cáo sử dụng, hiện nay xe trên chị Thu đã sang tên lại cho chị đứng tên giấy chứng nhận.

Cáo trạng số: 61/QĐ- KSĐT ngày 26/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, 33, 45, 60 Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về vật chứng thu được, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xét.

Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Trần Thị D đã bồi hoàn cho chị Trần Thị K số tiền và vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt, hiện chị K không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo D nên không đề cập đến.

Lời nói sau cùng: Bị cáo không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị D đã thừa nhận hành vi lén lút lấy trộm tài sản của chị ruột tên chị Trần Thị K cùng ở chung nhà với D tại địa chỉ số 80/14, Nguyễn Thị B, khu phố 2, thị trấn G, huyện G, gồm: 01 xe mô tô 62M1-121.63 trị giá 10.000.000 đồng; 150 đô la Úc trị giá 2.540.000 đồng; 400 đô la Mỹ trị giá 9.078.000 đồng; 02 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 1,7 chỉ trị giá 3.502.000 đồng; 02 vòng vàng 18 kara, trọng lượng 02 chỉ trị giá 4.120.000 đồng; 02 lắc vàng 18 kara, trọng lượng 3,7 chỉ trị giá 7.622.000 đồng; 05 nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 1,3 chỉ, trị giá 2.678.000 đồng và 4.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt của chị K là 43.540.000 đồng. Đến ngày 17/5/2017, Cơ quan Công an mời D làm việc thì D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo D đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, làm mất an ninh trật tự của địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo lợi dụng mối quan hệ chị em trong nhà để lén lút lấy tài sản của chị ruột với giá trị tài sản trộm được hơn 40.000.000 đồng nên xét về tính chất mức độ hành vi của bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại cũng xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên xem xét áp dụng quy định tại điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ

sung năm 2009 để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, nghề nghiệp ổn định tại địa phương có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 62M1-121.63 và 01 túi xách màu đỏ, có quai màu trắng, đen trên túi có chữ UNIQUELY SIGAPORE là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị K nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trả lại tài sản trên cho chị K là phù hợp nên không xét

Đối với chiếc xe mô tô biển số 59Z1-321.11 (biển số cũ 55Z8-5833), thuộc sở hữu hợp pháp của chị Trần Thị K; chị K cho bị cáo D mượn để làm phương tiện đi lại, bị cáo D dùng xe để đi trộm cắp tài sản chị K không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trả lại chiếc xe trên cho chị K là phù hợp nên không xét.

Về dân sự: Người hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, 45, 60 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án 29/8/2017.

Giao bị cáo Trần Thị D cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Trần Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo